TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2024
"V/v *ly hôn giữa bà M và ông Đ"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Vũ Văn Sâm;

2.Bà Nguyễn Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024,quyết định hoãn phiên toà số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Bà Bùi Thị M sinh năm 1962

- Bị đơn: Ông Vũ Kim Đ sinh năm 1964

Cùng nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt ông Đ; bà M có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Bùi Thị M trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Kim Đ tự do, tự nguyện tìm hiểu, dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông Đ. Ngay sau khi kết hôn thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp

nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, ông Đ không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con lại có biểu hiện không chung thuỷ, có lần vợ chồng mâu thuẫn ông Đ có đánh đập, hành hạ bà. Mâu thuẫn căng thẳng vào năm 2019, thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Đ không còn, bà xin ly hôn ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Vũ Kim Đ có 02 con chung là Vũ Thị Mai H sinh ngày 20/11/1997 và Vũ Thị T sinh ngày 31/3/2001. Ly hôn, cả 02 con đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Hiện tại, không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên toà bị đơn ông Vũ Kim Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn như bà Bùi Thị M đã trình bày. Quá trình chung sống đến khoảng tháng 01/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, không thống nhất được chỗ ở chung của vợ chồng, hiện tại vợ chồng đã ly thân. Nay bà M có đơn xin ly hôn ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà M vẫn còn, ông không nhất trí ly hôn bà M.

Về con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 02 con chung như bà Bùi Thị M đã trình bày là đúng. Nếu ly hôn, các con đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh với cơ sở thôn C, xã Q thấy: Bà Bùi Thị M và ông Vũ Kim Đ là vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Đ có hành đập hành hạ bà M, sau đó vợ chồng ly thân. Nay bà M có đơn xin ly hôn ông Đ cơ sở thôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà M và ông Đ có 02 con chung là Vũ Thị Mai H sinh ngày 20/11/1997 và Vũ Thị T sinh ngày 31/3/2001. Ly hôn, cả 02 con đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản chung, cơ sở thôn không nắm rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên VKS không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho bà Bùi Thị M được ly hôn ông Vũ Kim Đ; Bà M và ông Đ có 02 con chung là Vũ Thị Mai H sinh ngày 20/11/1997 và Vũ Thị T sinh ngày 31/3/2001. Ly hôn, cả 02 con đều đã trưởng thành tự lập về

kinh tế nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng; Về tài sản: không đặt ra giải quyết; Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Bùi Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị M khởi kiện ly hôn với ông Vũ Kim Đ, do ông Đ là bị đơn cư trú thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị M và ông Vũ Kim Đ là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 21/12/1996 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, có lần vợ chồng mâu thuẫn, ông Đ có đánh đập hành hạ bà M. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 01/2024 thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Đ không còn, bà xin ly hôn ông Đ. Ông Đ xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà M vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn bà M nhưng ông không tìm ra biện pháp nào có hiệu quả để hàn gắn cải thiện quan hệ vợ chồng. Tòa án đã ấn định thời gian hòa giải nhưng bà M đề nghị không hoà giải, mặt khác vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của ông bà thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho bà M được ly hôn ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị M và ông Vũ Kim Đ có 02 con chung là Vũ Thị Mai H sinh ngày 20/11/1997 và Vũ Thị T sinh ngày 31/3/2001. Ly hôn, cả 02 con đều đã trưởng thành tự lập về kinh tế nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Bà Bùi Thị M và ông Vũ Kim Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, tuy nhiên bà Bùi Thị M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho và Bùi Thị M là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị M và ông Vũ Kim Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 , khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Bùi Thị M được ly hôn ông Vũ Kim Đ.

2.Về con chung: Con chung là Vũ Thị Mai H sinh ngày 20/11/1997 và Vũ Thị T sinh ngày 31/3/2001, đều đã trưởng thành tự lập về kinh tế nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4.Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Bùi Thị M.

5.Về quyền kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Kim Đ có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn bà Bùi Thị M vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;*
- *Nơi ĐKKH: UBND xã Quỳnh Khê;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên